

Hà nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

I/ Đặc điểm tình hình

Tình hình SXKD năm 2023 Công ty có những thuận lợi và khó khăn cơ bản sau:

1/ Thuận lợi

Uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm Pin Con Thỏ luôn được duy trì, nâng cao và chính sách bán hàng linh hoạt, hợp lý đã tạo ra thế cạnh tranh tốt cho sản phẩm trên thị trường thông qua hệ thống Đại lý tiêu thụ sản phẩm của Công ty rộng khắp cả nước. Đội ngũ Lãnh đạo và tập thể Người lao động của Công ty có trách nhiệm, có năng lực và kinh nghiệm, luôn đoàn kết và tâm huyết là cơ sở vững chắc tạo lên sự ổn định và phát triển Công ty.

Do đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng cũng như giá cả hợp lý nên các khách hàng xuất khẩu tại chỗ và khách hàng Pin Kodak, khách hàng xuất khẩu thông qua GP vẫn tin tưởng và duy trì các đơn hàng với Công ty.

2/ Khó khăn

Tình hình kinh tế Thế giới nói chung và Việt nam nói riêng tăng trưởng chậm có ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm, thu nhập và đời sống của Người dân dẫn đến nhu cầu tiêu dùng thấp gây ra nhiều khó khăn cho Công ty trong công tác tiêu thụ sản phẩm tại thị trường truyền thống cũng như xuất khẩu dẫn đến sản lượng tiêu thụ Pin Con Thỏ tiêu thụ tại các thị trường truyền thống giảm và xuất khẩu qua GP giảm nhiều so với năm 2022.

Cạnh tranh sản phẩm trên thị trường ngày càng gay gắt giữa các Nhà sản xuất Pin trong nước cũng như các Đơn vị thương mại nhập khẩu Pin làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

- ❖ Với những đặc điểm nêu trên, Công ty đã chủ động bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT để xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả các biện pháp thực hiện nhiệm vụ, kết quả đạt được cơ bản như sau:

II/ Kết quả các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2023

1/ Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Đạt 85% so với NQ ĐHĐCĐ.

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Tăng/ Giảm so với năm 2022 | | Tăng/ Giảm So với KH điều chỉnh (%) |
|-----|----------------------------|----------|----------------------------|---------|-------------------------------------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ % | |
| I | SL sản xuất (đvt: Tr.viên) | 338,103 | - 25,780 | - 7,08 | 0,28 |
| II | SL tiêu thụ (đvt: Tr.viên) | 327,916 | - 35,554 | - 9,78 | - 2,74 |
| III | Kẽm đồng xu VNGP (tân) | 348,093 | - 106,215 | - 23,37 | |
| IV | Tổng doanh thu (tỷ đồng) | 432,058 | - 42,337 | - 8,92 | |
| V | LN trước thuế (tỷ đồng) | 63,943 | 17,785 | 38,53 | |
| VI | Nộp NSNN (tỷ đồng) | 32,467 | 7,961 | 32.49 | |

1.3/ Đánh giá về tiêu thụ

a/ Đối với thị trường truyền thống

- Thị trường Nội địa:



Pin R20 tiếp tục đà suy giảm theo xu thế, năm 2023 giảm 5,4 % so với năm 2022. Tốc độ suy giảm chậm lại so với năm 2022 (14%) do Công ty củng cố và giữ vững được thị phần tại thị trường Lào và Campuchia.

Pin R6 suy giảm 6,5 %, Pin R03 suy giảm 1,7% so với năm 2022 do tác động của một số nguyên nhân:

+ Từ 1/1/2023 Thuế VAT trở lại mức 10% so với 8% áp dụng năm 2022 nên các Đại lý bán buôn tăng cường tích trữ hàng hóa vào tháng 12 năm 2022 gây ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ đầu năm 2023.

+ Tình hình suy thoái kinh tế sau Đại dịch Covid 19 diễn ra trên diện rộng tác động tiêu cực vào sức mua của thị trường.

+ Hoạt động dịch vụ giải trí Karaoke bị hạn chế do không đáp ứng được các yêu cầu về PCCN cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ đặc biệt là Pin R6.

+ Chưa nâng được tỷ lệ tiêu thụ Pin R03 tại các thị trường mà ở đó tỷ lệ tiêu thụ Pin R03/Tổng số Pin tiêu thụ rất thấp hoặc chưa tiêu thụ được,

- Thị trường Lào và Campuchia:

Kể từ khi việc xuất nhập cảnh giữa các nước trở lại bình thường, Công ty đã cử được các đoàn công tác sang hai nước, đặc biệt là sang Lào để làm thị trường hỗ trợ bán hàng, kiểm soát đánh giá thị trường tại Lào và Campuchia, từ đó từng bước phục hồi và củng cố thị trường đối với Pin R20, còn Pin R6 và Pin R03 vẫn chưa có biện pháp để tiêu thụ được do thói quen tiêu dùng của khách hàng.

Về hoạt động của Chi nhánh Công ty tại Tp HCM: Từ 1/7/2023 Chi nhánh thực hiện quy chế tự chủ thu chi bao gồm chi phí tiền lương, chi phí bán hàng và chi phí quản lý thường xuyên khác theo Quyết định của Công ty. Trong năm 2023 Chi nhánh đạt doanh thu 11 tỷ đồng, đóng góp hơn 200 triệu đồng lợi nhuận trước thuế vào hiệu quả chung của Công ty.

b/ Đối với khách hàng Kodak

Trong bối cảnh nền kinh tế Thế giới tăng trưởng chậm và Công ty có lợi thế khi được Khách hàng đánh giá cao về đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng, đồng thời trong năm Công ty đã linh hoạt điều chỉnh chính sách giá bán nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh của sản phẩm qua đó duy trì được sản lượng tương đương năm 2022 đối với nhãn hàng Kodak xuất khẩu vào thị trường Mỹ và tạo đà cho năm 2024.

c/ Đối với xuất khẩu

- **Xuất khẩu tại chỗ:**

Sản lượng tăng được 36,85% so với năm 2023, trong đó Pin R6 tăng 59,88% so với cùng kỳ 2022 do khách hàng là Công ty Handan - Hàn Quốc phục hồi sản xuất sau dịch Covid. Pin R03 giảm 9,77% so với cùng kỳ 2022. Công ty chưa khai thác thêm được khách hàng công nghiệp tại các khu chế xuất do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó nguyên nhân chủ quan do chưa tìm được cách tiếp cận khách hàng đóng vai trò không nhỏ.

- **Xuất khẩu qua GP:**

Sản lượng xuất khẩu không đạt mục tiêu đề ra, giảm 33,88% so với năm 2022. Mặc dù Pin R6 có phục hồi sản lượng tăng 303% so với năm 2022 nhưng với tỉ trọng thấp hơn nhiều so với Pin R03 nên không đủ bù đắp cho sự suy giảm của Pin R03. Pin R03 giảm 44% do từ tháng 7/2023 trở đi khách hàng Energizer đã dừng nhập khẩu Pin của Công ty sản xuất để họ chuyển sang tự sản xuất và phía GP vẫn chưa tìm được khách hàng khác để thay thế.

Từ 2023 Công ty đã đủ điều kiện để xuất khẩu vào Ấn độ tuy nhiên sản lượng chỉ đạt 14,5% so với kế hoạch chưa đạt được như kỳ vọng do phía đối tác GP chưa củng cố được thị trường tiêu thụ tại thị trường này.

Các dự án xuất khẩu khác vẫn chưa hoàn thành.

e/ Đối với Pin thương hiệu GP nhập khẩu tiêu thụ tại thị trường Việt Nam

Công ty đã hợp tác chặt chẽ với đối tác trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự bán hàng, từng bước mở rộng thị trường thông qua việc mở mới các nhà phân phối cho kênh bán hàng siêu thị, nhà sách... Đối tác GP cung cấp nguồn lực tài chính đảm bảo xây dựng được bước giá và chính sách chiết khấu phù hợp với diễn biến thị trường đảm bảo khả năng cạnh tranh của sản phẩm cũng như quảng bá được thương hiệu hình ảnh sản phẩm đến thị trường. Doanh thu tiêu thụ Pin GP Nhập khẩu tăng 26% so với năm 2022 là tín hiệu khá tích cực tuy nhiên đóng góp không nhiều vào tổng doanh thu cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

III/ Đánh giá kết quả các biện pháp đã thực hiện trong năm

Về cơ bản các biện pháp đã được thực hiện theo đúng như báo cáo trình ĐHCĐ năm 2023, tóm tắt thực hiện một số biện pháp như sau:

1/ Công tác tổ chức sản xuất và lao động, việc làm – thu nhập của NLD

Công tác tổ chức sản xuất năm 2023 đạt yêu cầu, đáp ứng kịp thời đầy đủ số lượng và chất lượng sản phẩm cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tại mọi thời điểm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, phù hợp với kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa MMTB, cân đối đảm đủ việc làm, thu nhập hài hòa giữa các PXSX khi cơ cấu tiêu thụ sản phẩm thay đổi.

Tình hình lao động và việc làm trong năm cơ bản là đủ, lao động sử dụng bình quân trong năm 274 người, thu nhập bình quân của Người lao động đạt 12,6 triệu đồng/người/tháng, so với năm 2022 tăng 6,8%.

Các quyền lợi, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với người lao động, điều kiện làm việc được đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật và của Công ty. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc, tâm huyết và gắn bó với Công ty.

2/ Công tác quản lý chất lượng, môi trường, An toàn lao động, PCCN

Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 14001 nên chất lượng sản phẩm đảm bảo đúng tiêu chuẩn, tỷ lệ phế phẩm, trọng lượng tinh ống kẽm đạt mục tiêu và sử dụng định mức vật tư cơ bản là đúng quy định tại các đơn vị sản xuất và đảm bảo an toàn trong công tác bảo vệ môi trường.

Thường xuyên soát xét, bổ sung trang thiết bị để cải thiện điều kiện, môi trường làm việc và đảm bảo an toàn cho Người lao động.

Trong năm đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt, đã không để xảy ra các sự cố về TNLĐ, không để xảy ra sự cố cháy nổ...

3/ Công tác kỹ thuật

3.1/ Đối với dự án công nghệ Pin không chì:

Thực tế trong năm Công ty đã hoàn thành giai đoạn nghiên cứu thiết kế công nghệ, kết quả kiểm tra tại Công ty cũng như tại Trung tâm chất lượng STC của Tập đoàn GP tại Singapor đối với các mẫu Pin không chì R6, R03 xuất khẩu tương ứng với tiêu chuẩn GP15C và GP24C do Công ty sản xuất đều đạt tiêu chuẩn yêu cầu. Đối với Pin R6S cho thị trường Ấn độ đang trong quá trình kiểm tra nghiệm thu.

Đối với Pin không chì Nội địa các loại đã được Công ty đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn tương ứng. Trên cơ sở kết quả đạt được, trong năm đã triển khai SX thử nghiệm một số lô sản phẩm với quy mô khá lớn và đã được đưa ra kiểm chứng trên thị trường nội địa, cho đến nay không nhận được các phản hồi tiêu cực về chất lượng từ thị trường và người tiêu dùng.

3.2/ Nghiên cứu cải tiến để giảm giá thành nhằm phát triển sản phẩm Pin Nhãn nhôm R6, R03 ở quy mô lớn: Công ty đã nghiên cứu thiết kế chế tạo máy lắp đáy giả R6 kết nối máy dán nhãn nhôm dán trực tiếp vào pin đơn, qua đó giảm được chi phí của màng co PVC và nâng cao chất lượng chống rò rỉ Pin.

3.3/ Tìm các biện pháp kỹ thuật để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm ở chỉ tiêu phóng điện và đặc biệt là an toàn rò rỉ điện dịch cuối chu kỳ sử dụng cho các loại Pin của Công ty: Công ty đã nghiên cứu được các giải pháp để đáp ứng yêu cầu cao nhất về chống rò rỉ Pin sau sử dụng.

4/ Công tác đầu tư: Các hạng mục đầu tư đã được đại hội đồng cổ đông thông qua như: Máy dập ống kẽm R6 – 100c/p và dây chuyền thành phẩm R6-650 cái/phút. Các thiết bị sau đầu tư đã góp phần tăng năng lực sản xuất và phát huy hiệu quả tốt.

100
CỔ
CỔ
IN
NH

5/ Tình hình tài chính

Tình hình tài chính Công ty đảm bảo lành mạnh, dòng tiền hoàn toàn được kiểm soát, không phát sinh các khoản nợ quá hạn. Khai thác tốt nguồn vốn dự phòng qua đó tạo thêm nguồn thu nhập tài chính 2,3 tỷ đồng từ lãi tiền gửi ngắn hạn ngân hàng.

Bảng tóm tắt các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2023 và giải trình dưới đây (đvt: Triệu đồng)

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|----------------|----------------|
| 1 | 2 | | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | 143,834 | 114,827 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 9,481 | 14,977 |
| 1. Tiền | 111 | 9,481 | 14,977 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 31,000 | 10,027 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 31,000 | 10,027 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 15,049 | 25,469 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 12,489 | 18,136 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 118 | 5,844 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 2,778 | 1,825 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | - 337 | - 337 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 86,573 | 63,649 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 86,813 | 63,889 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | - 240 | - 240 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 1,731 | 705 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 391 | 307 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 862 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 478 | 398 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | 29,544 | 32,244 |
| II. Tài sản cố định | 220 | 10,593 | 11,704 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | 10,388 | 11,704 |
| 2. TSCĐ vô hình | 227 | 205 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 17,400 | 19,175 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 27,000 | 27,000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | - 9,600 | - 7,825 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 1,552 | 1,346 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 1,552 | 1,346 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | 173,379 | 147,071 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | 26,662 | 21,665 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 26,662 | 21,665 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 8,445 | 4,143 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 390 | 221 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5,992 | 4,078 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 6,439 | 6,577 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 3,132 | 3,219 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 1,843 | 3,191 |
| 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | 420 | 236 |
| 8. Phải trả nội bộ ngắn hạn | | | |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420) | 400 | 146,717 | 125,406 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 146,717 | 125,406 |
| 1. Vốn góp chủ sở hữu | 411 | 72,539 | 72,539 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 1,016 | 1,016 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 36,633 | 26,548 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 36,529 | 25,302 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | 173,379 | 147,071 |

5.1/ Giải trình biến động tài sản: Tổng giá trị tài sản tăng 26,4 tỷ đồng do các nguyên nhân

Tài sản ngắn hạn: Tổng TS cuối kỳ tăng 29 tỷ đồng so với số đầu kỳ do các nguyên nhân:

a/ Các khoản đầu tư ngắn hạn tăng 21 tỷ đồng do Công ty tăng cường gửi ngắn hạn nguồn dư từ lợi nhuận chưa phân phối phát sinh năm 2023.

b/ Các khoản phải thu giảm 15 tỷ đồng do Công ty linh hoạt sử dụng công cụ chiết khấu thanh toán dẫn đến giảm gần 6 tỷ đồng dư nợ Đại lý. Ngoài ra diễn biến thực hiện các hợp đồng mua kềm thời, hợp đồng mua máy móc thiết bị và một số nguyên vật liệu khác có điều khoản đặt cọc, trả trước vào thời điểm cuối năm 2023 cũng thay đổi so với cuối năm 2022 dẫn đến giảm số dư tra trước cho người bán gần 6 tỷ đồng. Các khoản phải thu khác tăng 900 triệu đồng chủ yếu do tháng 12 thuế GTGT chưa được khấu trừ hơn 800 triệu đồng.

c/ Hàng tồn kho tăng 23 tỷ đồng do các yếu tố cơ bản sau:

+ Công ty có chủ trương tăng dự trữ một số vật tư chiến lược đặc biệt là kềm thời dẫn đến giá trị vật tư tồn kho thời điểm cuối năm tăng 21 tỷ đồng so với cuối năm 2022.

+ Giá trị thành phẩm tồn kho cuối kỳ tăng so với cuối năm 2022 do đầu năm 2023 thuế GTGT tăng từ 8% lên 10% dẫn đến việc hệ thống Đại lý tăng cường nhập hàng tích trữ làm giảm tồn kho của Công ty. Chênh lệch giá trị tồn kho thành phẩm thời điểm cuối năm 2023 với 2022 là 7,7 tỷ đồng.

+ Hàng hóa (Pin GP NK) và Bán thành phẩm dở dang giảm so với tồn đầu năm gần 6 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn: giảm khoảng 3 tỷ đồng do các nguyên nhân:

a/ Chênh lệch giá trị khấu hao và đầu tư mới làm giảm giá trị còn lại của TSCĐ hơn 1,3 tỷ đồng

b/ Trích dự phòng khoản lỗ của Công ty liên doanh làm giảm giá trị đầu tư dài hạn: 1,8 tỷ đồng

5.2/ Giải trình biến động nguồn vốn: Tổng giá trị nguồn hình thành tài sản tăng 26,4 tỷ đồng do các nguyên nhân:

Nợ phải trả tăng: 5 tỷ đồng

a/ Phải trả người bán tăng 4,3 tỷ đồng do diễn biến thực hiện các hợp đồng mua NVL hàng hóa chưa đến hạn thanh toán.

b/ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng gần 2 tỷ đồng chủ yếu do khoản thuế TNDN tăng do tăng LN 2023 chưa đến hạn phải nộp.

c/ Các khoản phải trả ngắn hạn khác giảm 1,3 tỷ đồng chủ yếu giảm do giảm tiền nhận đặt cọc gia công kềm đồng xu theo tiến độ hợp đồng

Nguồn vốn chủ sở hữu: tăng 21,3 tỷ đồng

a/ Quỹ đầu tư phát triển tăng 10,1 tỷ do thực hiện NQ Đại hội cổ đông 2023

b/ Lợi nhuận chưa phân phối tăng 10,2 tỷ do LN thực hiện năm 2024 tăng.

5.3/ Một số chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1/ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 5,30 | 5,39 | Lần |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | 2,36 | 2,15 | Lần |
| TS ngắn hạn – Hàng tồn kho | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| 2/ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số nợ/ Tổng tài sản | 14,73 | 15,38 | % |
| + Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | 17,27 | 18,17 | % |
| 3/ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | 5,06 | 4,30 | Lần |
| Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân | | | |
| + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 3,13 | 2,44 | Lần |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 7,96 | 12,04 | % |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | 29,29 | 34,79 | % |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | 24,97 | 29,44 | % |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 10,01 | 15,01 | % |

100

NG'
PH
HÀ

RI -

IV/ Đánh giá chung năm 2023

Trong năm, năm bắt được xu thế suy giảm kinh tế sau dịch Covid 19 và một số yếu tố bất lợi khác dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nội địa giảm, HĐQT đã xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD, xác định mục tiêu mới phù hợp với tình hình thực tế.

HĐQT, Ban Giám đốc thường xuyên theo dõi nắm bắt diễn biến kết quả SXKD thực hiện hàng tháng, hàng quý... từ đó đưa ra những chỉ đạo, biện pháp, quyết định kịp thời để tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong mọi lĩnh vực hoạt động SXKD theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp với diễn biến của tình hình thực tế. Duy trì và phát triển được thị trường, đảm bảo an toàn về vốn, lợi ích của các cổ đông.

Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 mặc dù sụt giảm về sản lượng và doanh thu tuy nhiên Công ty đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, trong đó nổi bật là lợi nhuận có tăng trưởng tốt, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Phần thứ 2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Dự báo năm 2024, tình hình Thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp. Xung đột địa chính trị tiếp tục gia tăng; cuộc chiến Nga - Ucraina và dải Gaza, Biển đỏ... vẫn còn tiếp diễn, tiếp tục ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại toàn cầu.

Trong nước, những tháng đầu năm với các chính sách hỗ trợ đã và đang thực hiện như tiếp tục miễn giảm thuế VAT trong 6 tháng đầu năm, giảm lãi suất, kích cầu tiêu dùng của Chính phủ cho thấy Kinh tế Việt Nam đang trong xu hướng phục hồi khi tiêu dùng tăng, du lịch có nhiều khởi sắc và giá vật tư cho sản xuất tương đối ổn định là một lợi thế cho Công ty.

Dự báo các đơn hàng Pin xuất khẩu qua GP với sản lượng chưa phục hồi nhiều so với trước đây và cạnh tranh giữa các nhà sản xuất Pin trong nước và các thương hiệu Pin ngoại nhập sẽ diễn ra gay gắt hơn sẽ có nhiều tác động ảnh hưởng không tốt đến hoạt động SXKD của Công ty.

Nhận thức rõ được thuận lợi và khó khăn, thách thức, Công ty đã xác định mục tiêu và các giải pháp cơ bản nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024, đó là:

I/ Các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh:

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | Tăng/ Giảm So với năm 2023 | |
|-----|--------------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-----------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| I | Sản lượng (đvt: Tr.viên) | 386,432 | 58,516 | 17,8 |
| II | Kẽm đồng xu VNGP (tấn) | 240 | - 108,093 | - 31,1 |
| III | Tổng doanh thu (tỷ đồng) | 483,580 | 51,522 | 11,9 |
| IV | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 69,5 | 5,6 | 8,8 |
| EV | Cổ tức dự kiến (%) | 50 | 0 | 0 |
| VI | Nộp NSNN | Theo quy định hiện hành của Nhà nước | | |

II/ Các chi phí cơ bản

1/ Nguyên vật liệu chính và phụ có định mức được xác định trên cơ sở:

- Định mức không thay đổi so với thực hiện của năm 2023 ngoại trừ việc tăng định mức kẽm Pin R20 để tăng hạn bảo quản.
- Giá các loại vật tư chính chiếm tỷ trọng lớn như: Kẽm thời ước 3000 usd/t, Mangan điện giải ước 15.900 CNY/tấn... Muội Axetylen... theo giá thị trường tại các thời điểm mua hàng. Giá các vật tư còn lại khác: Về cơ bản ổn định so với năm 2023.
- Dự kiến tỷ giá: Tỷ giá VND/ USD: 25.000 đồng; Tỷ giá VND/ CNY: 3.450 đồng.

2/ Vật liệu phụ không có định mức: Xác định trên cơ sở chi phí thực tế năm 2023 và bổ sung tăng 12% so với năm 2023 do tăng sản lượng.

3/ Nhiên liệu: Xác định trên cơ sở khung sản lượng và không thay đổi định mức so với năm 2023.

4/ Điện: Xác định trên cơ sở khung sản lượng và không thay đổi định mức tiêu thụ điện so với năm 2023 và có tính đến tăng giá 3% do dự kiến từ 1/7/2024 giá điện tăng 6%.

5/ Khấu hao cơ bản: Trên cơ sở giá trị còn lại của TSCĐ và có đầu tư mới.

6/ Chi phí sửa chữa lớn: Xác định trên cơ sở chi phí thực tế năm 2023 có bổ sung tăng 14% để thực hiện SCL phù hợp với khung sản lượng và thực hiện các hạng mục như SCL theo kế hoạch.

7/ Lao động: Dự kiến sử dụng lao động hiện có, khi cần thiết sẽ cân nhắc tuyển bổ sung.

8/ Tiền lương: Xác định trên cơ sở điều chỉnh tăng bình quân 8,6% đơn giá tổng so với năm 2023 nhằm mục tiêu phù hợp với tiến trình cải cách chính sách tiền lương trong năm 2024 của Nhà nước và mặt bằng thu nhập xã hội trên địa bàn.

9/ Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn: Xác định trên cơ sở điều chỉnh tăng 3% so với năm 2023 do từ tháng 7/2024 Nhà nước có chủ trương điều chỉnh các chính sách tiền lương.

10/ Chi phí bán hàng: Xác định trên cơ sở 9% doanh thu.

11/ Chi phí bằng khác tiền: Xác định trên cơ sở chi phí thực tế năm 2023 sau khi loại trừ các chi phí không hợp lý và bổ sung các chi phí hợp lý khác.

III/ Các nhóm biện pháp thực hiện:

1/ Về Công tác quản lý, tổ chức sản xuất và lao động, việc làm, thu nhập của NLĐ

Trên cơ sở sản lượng mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty xây dựng KHSX chi tiết hàng tháng, quý, năm và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với tình hình thực tế của tiêu thụ nội địa, các đơn hàng xuất khẩu, các đơn hàng kèm đồng xu của VNGP.

Kiểm soát vật tư, NVL và công tác chuẩn bị, chế tạo phụ tùng, khuôn mẫu, máy móc thiết bị nhằm đáp ứng kế hoạch sản xuất, kế hoạch bảo dưỡng MMTB, sẵn sàng tất cả các điều kiện cho sản xuất đảm bảo số lượng, chất lượng sản phẩm và tiến độ.

Cân đối sử dụng và bố trí Lao động hợp lý để đảm bảo việc làm, thu nhập và thực hiện đúng các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

2/ Công tác quản lý chất lượng, môi trường, đào tạo, an toàn lao động, PCCN

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 14001 phải được duy trì và thường xuyên được kiểm toán đánh giá nội bộ, qua kiểm toán nội bộ phải chỉ ra các điểm không phù hợp để có hành động khắc phục phòng ngừa đúng. Đảm bảo chất lượng Sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn đã công bố và tiêu chuẩn đã thống nhất với các khách hàng xuất khẩu.

Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng kịp thời yêu cầu ổn định và phát triển của Công ty.

Thường xuyên kiểm tra và có biện pháp phòng ngừa đúng nhằm duy trì đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động và PCCN.

3/ Công tác kỹ thuật

Dự án Công nghệ Pin không chì: Phấn đấu hoàn thành việc chuyển đổi sản xuất Pin không chì trong năm 2024.

4/ Về tiêu thụ Pin đối với thị trường truyền thống

Trên cơ sở chi phí bán hàng đã được phê duyệt, thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý theo hướng tập trung cho các sản phẩm và thị trường trọng điểm đảm bảo khả năng cạnh tranh của sản phẩm giữ được thị trường, tăng thị phần, đồng thời tăng cường công tác bán lẻ bám sát thị trường hỗ trợ đại lý nhằm thúc đẩy tốc độ tăng trưởng...

Linh hoạt trong xây dựng và vận dụng chính sách bán hàng nhằm tăng quyền lợi cho đại lý và các nhà phân phối sau của đại lý, có biện pháp hạn chế cạnh tranh nội bộ, bán lấn vùng trên cơ sở đảm bảo đúng chính sách quy định về các chi phí bán hàng. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về tiền hàng và không để phát sinh nợ xấu.

Tiếp tục chủ động tìm kiếm phát triển thêm các khách hàng Công nghiệp trong nước.

Tiếp tục thúc đẩy công tác bán hàng trực tiếp vào Lào, CPC nhằm tăng sản lượng tiêu thụ. Tìm kiếm đối tác đủ tiềm lực, đáng tin cậy xây dựng thành nhà nhập khẩu – phân phối trực tiếp, từng bước điều chỉnh phương thức tiếp cận thị trường phù hợp với tình hình mới.

Phối hợp với đội bán hàng của GP, cùng với các giải pháp phù hợp trong điều kiện có thể của Công ty nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm pin GP nhập khẩu tại thị trường trong nước.

52
Y
N
NỘ
P

5/ Về thị trường xuất khẩu

Đối với tất cả các đơn hàng xuất khẩu, bao gồm cả xuất khẩu qua GP, xuất khẩu tại chỗ và Pin Kodak: Phải đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng về số lượng, chất lượng và tiến độ giao hàng, tuyệt đối không để xảy ra sự cố chất lượng.

Đối với các dự án xuất khẩu mới:

- + Phải đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng trong điều kiện có thể của Công ty.
- + Cung cấp báo giá kịp thời với giá cạnh tranh nhất có thể, tìm biện pháp đáp ứng nhu cầu về mẫu mã, quy cách đóng gói theo yêu cầu của khách hàng, hoàn thiện quy trình sản xuất và kiểm soát quá trình sản xuất khi thực hiện đơn hàng để đảm bảo chất lượng, số lượng và đúng tiến độ theo yêu cầu của khách hàng... nhằm tận dụng mọi cơ hội xuất khẩu đến với Công ty.

6/ Về mua bán vật tư

Tuân thủ phương thức mua bán vật tư như hiện tại thông qua Hội đồng mua bán để xem xét đánh giá kỹ mọi mặt trước khi phê duyệt nhà cung ứng và phê duyệt giá mua, số lượng mua trên cơ sở cân đối hợp lý theo KHSX và hàng tồn kho.

Nâng cao chất lượng dự báo giá cả vật tư thông qua các nguồn khác nhau để có được quyết định phù hợp trong quyết định mua và dự trữ vật tư góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

7/ Về sử dụng vốn

Duy trì thực hiện hạn mức dư nợ của các khách hàng đại lý, nhà phân phối theo quy định trên nguyên tắc đảm bảo an toàn vốn.

Bám sát tiến độ giao hàng và thời hạn thanh toán để đơn đốc thanh toán cả nội địa và xuất khẩu. Sử dụng hiệu quả chính sách chiết khấu thanh toán để đảm bảo cân đối dòng tiền.

Cân đối dòng tiền hàng tháng để chủ động trong việc sử dụng tiền và Cân đối vốn cho kế hoạch đầu tư trong năm cũng như cho tương lai.

Sử dụng vốn hợp lý, dùng nguồn doanh thu xuất khẩu thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Sử dụng tiền dư thông qua việc gửi tiết kiệm tại ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

8/ Về đầu tư

Căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ, năm 2024 cần đầu tư các hạng mục như sau:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và tư vấn lập hồ sơ xin giấy phép môi trường để đáp ứng yêu cầu.
- Hệ thống đường ống nước và bơm cứu nước hỏa thay thế hệ thống cũ đã xuống cấp để đáp ứng yêu cầu về PCCC,
- Tủ phóng điện kiểm tra thử nghiệm các chế độ của Pin nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn của khách hàng xuất khẩu.

Phần thứ 3

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY LIÊN DOANH (VNGP)

Theo báo cáo của Công ty TNHH Pin GP Việt Nam:

1/ Kết quả SXKD cho năm tài chính 2023-2024 (Kết thúc ngày 31/3/2024) ước tính:

- Doanh thu: 324 tỷ đồng.
- Tổng nguyên giá tài sản cố định: 249 tỷ đồng, Khấu hao lũy kế 93,3 tỷ đồng.
- Lợi nhuận tạo ra : 4,8 tỷ đồng
- Lũy kế: 91,8 tỷ đồng (báo cáo kiểm toán)

1.1/ Thuận lợi:

- + Giá kềm giảm, đồng Nhân dân tệ mất giá cũng giúp giá các NVL khác giảm theo.
- + Sản lượng tăng khoảng 11% so với năm 2022.
- + Chi phí logistic đã trở lại bình thường so với trước thời kỳ Covid-19.
- + Số lượng lao động ổn định, tỷ lệ luân chuyển nhân viên thấp.

1.2/ Khó khăn:

- + Bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của thị trường toàn cầu do chiến tranh, nhu cầu yếu do lạm phát.

+ Chi phí lãi vay cao .

2/ Kế hoạch đến năm 2024:

- Sản lượng: 341,2 triệu viên Pin, tăng 19% so với năm 2023.
- Doanh thu: 372 tỷ đồng tăng 15% so với năm 2023.
- Lợi nhuận: 13,4 tỷ đồng.
- Lũy kế 78,4 tỷ đồng.
- Nhân sự: Số lượng nhân viên hiện tại: 187 người trong nước và 1 người nước ngoài.

2.1/ Thuận lợi

+ Khoản vay của Công ty Mẹ được vốn hóa nên dòng tiền lành mạnh hơn và giảm được lãi vay.

2.2/ Khó khăn

+ Sản lượng không ổn định do tình hình thị trường không chắc chắn.

+ Thách thức khi chuyển đổi sang sản phẩm Pin kẽm không chỉ cho tất cả khách hàng.

➤ *Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.*

Nơi nhận:

- Các cổ đông,
- HĐQT, BKS,
- Lưu HC, Thư ký Cty.

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thanh Hùng

